

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số : 122 /CV.BCCI.KT
V/v: Đính chính báo cáo kết quả hoạt động
kinh doanh hợp nhất (quý I/2015)

TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2015

Kính gửi : - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước ;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

- Căn cứ luật chứng khoán số 70/2006/QH11 của Quốc hội khóa XI thông qua ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Chánh (mã chứng khoán: BCI) xin đính chính thông tin **Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý I/2015** như sau:

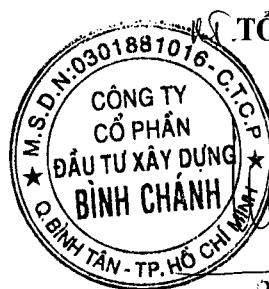
Trang	Mã số	Chỉ tiêu	Số liệu đã trình bày		Số liệu trình bày lại	
			Quý 01/2015.HN	Quý 01/2014.HN	Quý 01/2015.HN	Quý 01/2014.HN
5	60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.760.179.741	21.057.872.798	9.760.179.741	21.057.872.798
5	61	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	23.923.866.625	10.818.192.306	9.760.179.741	21.223.141.823
5	62	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	-	(165.269.025)		(165.269.025)

Lý do: Công ty đã trình bày chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ - mã số 61” theo số liệu “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp - mã số 60” của Báo cáo kết quả kinh doanh Công ty mẹ. **Việc trình bày nhằm này không làm thay đổi kết quả lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất đã công bố.**

Trân trọng.

Nơi nhận :

- Như trên;
 - Lưu (VT, TCKT)
- Đính kèm: BCTC quý I/2015 (HNL)



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHO TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Kim Thoa



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

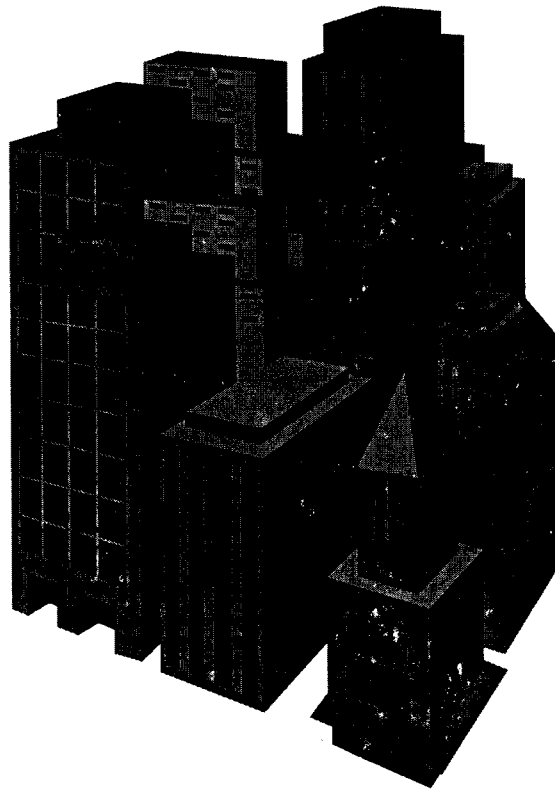
☎ : 550 Kinh Dương Vương, P.An Lạc, Quận Bình Tân Tp.HCM

☎ : 38753021

Fax: 38753552

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2015

Kết thúc ngày: 31/03/2015



TP.Hồ Chí Minh

Tháng 05/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Nội dung	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4
TÀI SẢN			
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	2.318.513.905.770	2.295.020.312.626
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	109.249.652.229	87.389.499.218
1. Tiền	111	3.774.660.743	1.021.480.019
2. Các khoản tương đương tiền	112	105.474.991.486	86.368.019.199
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		
1. Chứng khoán kinh doanh	121		
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	68.220.852.959	79.440.406.428
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	66.701.972.524	77.650.405.381
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	574.913.450	676.858.600
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	134		
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	2.511.133.955	2.680.309.417
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(1.567.166.970)	(1.567.166.970)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		
IV. Hàng tồn kho	140	2.132.444.053.530	2.119.941.989.026
1. Hàng tồn kho	141	2.132.444.053.530	2.119.941.989.026
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	8.599.347.052	8.248.417.954
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.087.303.769	5.093.807.411
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	2.474.104.927	2.242.518.682
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	1.037.938.356	912.091.861
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200	918.811.777.850	942.035.903.481
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	159.646.933.535	168.569.167.844
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	129.928.195.531	138.753.462.910

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	7.776.783.885	7.776.783.885
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		
6. Phải thu dài hạn khác	216	29.727.954.119	29.824.921.049
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	(7.786.000.000)	(7.786.000.000)
II. Tài sản cố định	220	26.399.381.644	27.405.260.226
1. Tài sản cố định hữu hình	221	26.325.966.593	27.324.733.093
- Nguyên giá	222	76.079.411.750	76.079.411.750
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(49.753.445.157)	(48.754.678.657)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		
- Nguyên giá	225		
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		
3. Tài sản cố định vô hình	227	73.415.051	80.527.133
- Nguyên giá	228	1.645.748.781	1.645.748.781
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(1.572.333.730)	(1.565.221.648)
III. Bất động sản đầu tư	230	93.647.216.608	94.400.871.519
- Nguyên giá	231	150.001.804.114	150.001.804.114
- Giá trị hao mòn lũy kế	232	(56.354.587.506)	(55.600.932.595)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	440.627.991.499	439.568.864.580
1. Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	440.627.991.499	439.568.864.580
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	193.545.717.300	207.259.780.460
1. Đầu tư vào công ty con	251		
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	191.445.477.300	205.139.650.460
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	3.135.455.455	3.135.455.455
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(1.035.215.455)	(1.015.325.455)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		
VI. Tài sản dài hạn khác	260	4.944.537.264	4.831.958.852
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	882.140.186	628.229.469
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	223.137.362	364.469.667
3. Tài sản dài hạn khác	268	32.925.762	32.925.762
4. Lợi thế thương mại	269	3.806.333.954	3.806.333.954
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270	3.237.325.683.620	3.237.056.216.107
NGUỒN VỐN			
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	1.456.677.803.189	1.466.168.515.417
I. Nợ ngắn hạn	310	335.974.210.637	448.364.569.326
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15.200.265.212	17.573.339.355
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14.282.676	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	320.679.562	2.200.273.297
4. Phải trả người lao động	314	4.654.394.429	11.074.846.694
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	7.069.062.220	5.529.509.051

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	193.113.719.779	191.283.500.967
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	89.779.817.948	109.802.753.244
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24.441.934.042	107.009.112.858
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	1.380.054.769	3.891.233.860
13. Quỹ bình ổn giá	323		
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		
II. Nợ dài hạn	330	1.120.703.592.552	1.017.803.946.091
1. Phải trả người bán dài hạn	331	51.977.755.999	52.751.981.432
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	102.539.000	102.539.000
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	102.795.630.745	104.981.865.459
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	402.188.395.544	404.108.331.353
7. Phải trả dài hạn khác	337	119.797.431.722	119.347.594.797
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	443.841.839.542	336.511.634.050
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	1.780.647.880.431	1.770.887.700.690
I. Vốn chủ sở hữu	410	1.780.647.880.431	1.770.887.700.690
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	722.670.000.000	722.670.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	722.670.000.000	722.670.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	610.750.058.000	610.750.058.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		
5. Cổ phiếu quỹ	415		
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		
7. Chênh lệch tỉ giá hối đoái	417		
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	231.349.402.028	231.349.402.028
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		
10. Quỹ khác thuộc vốn sở hữu	420	12.332.000.000	12.332.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	203.546.420.403	193.786.240.662
- Lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	193.786.240.662	96.545.437.328
- Kỳ này	421b	9.760.179.741	97.240.803.334
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	0	0
1. Nguồn kinh phí	431		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	3.237.325.683.620	3.237.056.216.107

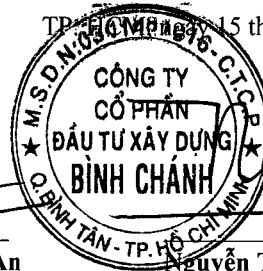
TP. HCM ngày 15 tháng 5 năm 2015

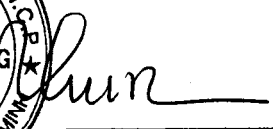


Nguyễn Kim Phụng
Người lập biểu



Nguyễn Dương An
Kế toán trưởng





Nguyễn Thụy Nhân
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
QUÝ 1/2015**

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính:: VNĐ			
		Quý 01/2015	Quý 01/2014	Lũy kế đến quý 01/2015	Lũy kế đến quý 01/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp	01	22.493.961.526	73.962.396.638	22.493.961.526	73.962.396.638
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	22.493.961.526	73.962.396.638	22.493.961.526	73.962.396.638
4. Giá vốn hàng bán	11	9.706.797.850	52.473.441.877	9.706.797.850	52.473.441.877
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	12.787.163.676	21.488.954.761	12.787.163.676	21.488.954.761
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.032.537.399	2.946.541.625	1.032.537.399	2.946.541.625
7. Chi phí tài chính	22	3.121.193.210	2.298.365.433	3.121.193.210	2.298.365.433
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23	<i>3.084.590.329</i>	<i>2.391.561.783</i>	<i>3.084.590.329</i>	<i>2.391.561.783</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	9.105.826.840	10.521.732.155	9.105.826.840	10.521.732.155
9. Chi phí bán hàng	25	343.248.516	757.644.199	343.248.516	757.644.199
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	9.869.566.471	11.351.916.853	9.869.566.471	11.351.916.853
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30	9.591.519.718	20.549.302.056	9.591.519.718	20.549.302.056
12. Thu nhập khác	31	184.022.514	508.570.742	184.022.514	508.570.742
13. Chi phí khác	32				
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	184.022.514	508.570.742	184.022.514	508.570.742
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	9.775.542.232	21.057.872.798	9.775.542.232	21.057.872.798
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51				
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	15.362.491		15.362.491	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	9.760.179.741	21.057.872.798	9.760.179.741	21.057.872.798
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	9.760.179.741	21.223.141.823	9.760.179.741	21.223.141.823
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(165.269.025)		(165.269.025)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	135	294	135	294
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71				

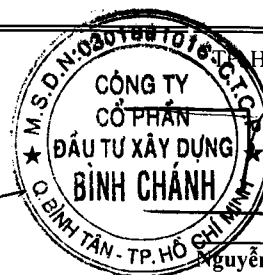
HCM, ngày 15 tháng 5 năm 2015



Nguyễn Kim Phụng
Người lập biểu



Nguyễn Dương An
Kế toán trưởng




Nguyễn Thụy Nhân
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

QUÝ 1/2015


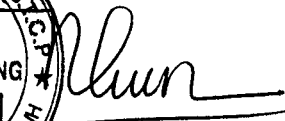
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã Số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Quý 1/15	Quý 1/14
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		46.096.779.674	28.000.294.975
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(12.030.961.404)	(22.059.638.568)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(11.965.273.272)	(13.780.194.671)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(9.707.789.998)	(1.660.364.260)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(250.257.324)	(1.717.467.154)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		28.131.402.606	40.848.132.862
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(45.272.314.490)	(46.936.060.203)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.998.414.208)	(17.305.297.019)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(422.389.475)	0
2. Tiền thu từ thanh lý, NBán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(20.800.000.000)	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		23.664.640.018	2.163.288.607
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.442.250.543	2.163.288.607
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		115.026.937.227	1.471.531.987
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(90.610.620.551)	(22.325.653.327)
5. Tiền trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	(55.593.998.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		24.416.316.676	(76.448.119.740)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		21.860.153.011	(91.590.128.152)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		87.389.499.218	175.032.952.714
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		109.249.652.229	83.442.824.562

TP. HCM, ngày 05 tháng 12 năm 2015

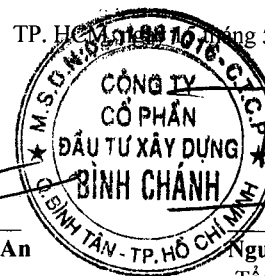


Nguyễn Kim Phụng
Người lập biểu

Nguyễn Dương An
Kế toán trưởng

Nguyễn Thụy Nhân
Tổng giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH


550 Kinh Dương Vương, P. An Lạc, Q. Bình Tân, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày: 31/03/2015

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND						
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (Bổ sung vốn ĐL)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	722.670.000.000	610.750.058.000	142.313.571.835	79.468.705.155	12.332.000.000	185.941.919.896	1.753.476.254.886
Vốn bổ sung trong năm trước					-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước						97.240.803.334	97.240.803.334
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	4.783.562.519	4.783.562.519		(17.129.482.568)	(7.562.357.530)
Chênh lệch tỷ giá hoái đổi						(72.267.000.000)	(72.267.000.000)
Chia cổ tức năm trước							
Số dư cuối năm trước	722.670.000.000	610.750.058.000	147.097.134.354	84.252.267.674	12.332.000.000	193.786.240.662	1.770.887.700.690
Số dư đầu năm nay	722.670.000.000	610.750.058.000	231.349.402.028		12.332.000.000	193.786.240.662	1.770.887.700.690
Tăng vốn trong năm					-	-	-
Lợi nhuận trong năm						9.760.179.741	9.760.179.741
Chia cổ tức năm nay							
Chia lãi hợp tác đầu tư							
Trích lập các quỹ trong năm	-	-					
Lợi nhuận từ chuyển nhượng vốn							
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ ban điều hành							
Số dư cuối năm nay	722.670.000.000	610.750.058.000	231.349.402.028	-	12.332.000.000	203.546.420.403	1.780.647.880.431


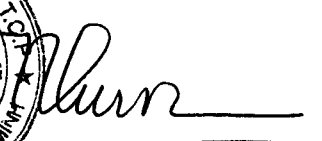


Nguyễn Kim Phụng
 Người lập biểu



Nguyễn Dương An
 Kế toán trưởng

TP. HCM, ngày 16 tháng 5 năm 2015

Nguyễn Thụy Nhân
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Đầu tư Xây dựng Bình Chánh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Đầu tư Xây dựng Bình Chánh và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) và lợi ích của “Nhóm Công ty” tại các công ty liên kết.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, địa ốc
- Ngành nghề kinh doanh** : Xây dựng cơ bản; kinh doanh nhà ở, đất ở; kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, tư vấn xây dựng, san lấp mặt bằng.
- Tổng số các công ty con** : 02
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02

5. Danh sách công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần BCI	510 Kinh Dương Vương, P. An Lạc A, Q. Bình Tân, TP.HCM	100%	100%
Công ty TNHH Đầu tư phát triển BCCI	550 Kinh Dương Vương, P. An Lạc, Q. Bình Tân, TP.HCM	100%	100%

6. Danh sách công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ siêu thị Big C An Lạc	1231 Quốc Lộ 1A, KP5, P. Bình Trị Đông, Q. Bình Tân, TP.HCM	20%	20%
Công ty Cổ phần và Đầu tư BĐS Sài Gòn Châu Á	196 Trần Hưng Đạo, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM	50%	50%
Công ty TNHH Cao Ốc Xanh	1231 Quốc Lộ 1A, KP5, P. Bình Trị Đông, Q. Bình Tân, TP.HCM	20%	20%

II. NĂM TÀI CHÍNH. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của “Nhóm Công ty” bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

“Nhóm Công ty” áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

“Nhóm Công ty” sử dụng hình thức nhật ký sổ cái, nhật ký chung, chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con. Các báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ khác biệt nào trong chính sách kế toán nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các công ty trong cùng “Nhóm Công ty”, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi các cổ đông của “Nhóm Công ty” và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của “Nhóm Công ty” trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày “Nhóm Công ty” nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày “Nhóm Công ty” không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp “Nhóm Công ty” không còn nắm quyền kiểm soát công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó “Nhóm Công ty” vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Các công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà “Nhóm Công ty” có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi hoặc lỗ của “Nhóm Công ty” trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu lợi ích của “Nhóm Công ty” trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi “Nhóm Công ty” có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và có điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về “Nhóm Công ty” khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà “Nhóm Công ty” phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 7

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của “Nhóm Công ty” được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà “Nhóm Công ty” phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

- Chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng: theo thời gian còn lại của dự án.
- Nhà xưởng: từ 10 – 25 năm.

8. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà “Nhóm Công ty” đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3-5 năm.

Chứng nhận ISO

Là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để có chứng nhận ISO. Chi phí này được khấu hao trong 10 năm.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

11. Chi phí phải trả

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Trích trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập chi phí bảo hành của “Nhóm Công ty” được ước tính bằng 5% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

14. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của “Nhóm Công ty” bao gồm:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ “Nhóm Công ty”.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2014: 21.373,33 VND/USD

31/12/2014: 21.458,00 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất, nhà ghi nhận khi công ty có biên bản bàn giao nền và nhà.

Doanh thu cho thuê đất tại khu công nghiệp Lê Minh Xuân:

Đối với hoạt động cho thuê đất tại khu giai đoạn I và bán xưởng: Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện.

Đối với hoạt động cho thuê đất tại khu giai đoạn II và khu tiểu thủ công nghiệp: Công ty ghi nhận là doanh thu nhận trước khi thu tiền trả trước và phát hành hoá đơn, sau đó phân bổ vào doanh thu trong kỳ theo thời gian còn lại của dự án kể từ năm cho thuê.

Doanh thu khác: Ghi nhận khi hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

19. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT VÀ BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền mặt	73.285.545	55.583.554
Tiền gửi ngân hàng	3.701.375.198	965.896.465
Các khoản tương đương tiền	105.474.991.486	86.368.019.199
Cộng	109.249.652.229	87.389.499.218

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn gốc dưới ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền và hưởng tiền lãi với lãi suất khoảng 4,3%/năm.

2. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tại công ty BCCI	61.574.705.229	74.606.840.058
Tại KCN Lê Minh Xuân	3.755.753.598	2.337.323.435
Tại Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI	1.371.513.697	706.241.888
Cộng	66.701.972.524	77.650.405.381

3. Trả trước ngắn hạn cho người bán

	Số cuối quý	Số đầu năm
Khách sạn New World Sài Gòn	40.000.000	-
Cty CP Ô Tô Phú Đạt	50.000.000	-
Công ty TNHH Tuyên Sơn	-	211.797.000
Công ty TNHH TM Nhất Thống	-	10.353.000
Trả trước cho người bán - KCN LMX	457.007.200	405.527.200
Tại Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI	27.906.250	49.181.400
Cộng	574.913.450	676.858.600

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Thuế TNCN lương CBNV theo QT thuế	142.495.030	417.287.522
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	168.325.117	-
Phải thu tiền lãi Sở Tài Chính- LMX	624.465.208	537.521.895
Tại Công ty Cổ phần BCI	1.575.500.000	1.725.500.000
Tại Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI	348.600	-
Cộng	2.511.133.955	2.680.309.417

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối quý	Số đầu năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng phải thu ngắn hạn - KCN Lê Minh Xuân	(1.567.166.970)	(1.567.166.970)
Cộng	(1.567.166.970)	(1.567.166.970)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng	2.118.875.898.718	2.106.298.082.416
Chi phí xây dựng công trình dở dang	251.635.268	251.635.268
Hàng hóa bất động sản	12.715.218.796	12.715.218.796
Nguyên nhiên vật liệu	321.098.565	379.982.714
Tại Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI	280.202.183	297.069.832
Cộng	2.132.444.053.530	2.119.941.989.026

7. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Thuế GTGT được khấu trừ		
Thuế GTGT được khấu trừ (Công ty BCCI)	3.947.800.328	3.968.580.116
Thuế GTGT được khấu trừ (Công ty BCI)	1.139.503.441	1.125.227.295
Cộng	5.087.303.769	5.093.807.411
Thuế và các khoản phải thu nhà nước		
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (Công ty BCCI)	2.354.213.235	2.241.270.726
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (Công ty BCCI.DVI)	119.891.692	1.247.956
Cộng	2.474.104.927	2.242.518.682
Tài sản ngắn hạn khác		
Tạm ứng CBCNV Cty + LMX	960.276.566	872.952.341
Tại Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI	77.661.790	39.139.520
Cộng	1.037.938.356	912.091.861

8. Phải thu dài hạn khách hàng

	Số cuối quý	Số đầu năm
Khách hàng mua nền, căn hộ các dự án	184.310.023.809	135.962.159.410
Phải thu khác	166.876.951	157.303.500
Công ty TNHH Thái Sơn (tiền SDD; HĐ665, 26/1/11; HĐ230/HĐKT.2007, 27/11/07)	2.234.000.000	2.634.000.000
Cộng	186.710.900.760	138.753.462.910

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Trả trước cho người bán dài hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tại Công ty Cổ phần ĐT - XD Bình Chánh	7.776.783.885	7.776.783.885
Cộng	7.776.783.885	7.776.783.885

10. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty TNHH Ngân Thạnh	3.848.813.505	3.848.813.505
Phòng tài chính huyện Bình Chánh, Nguyễn Ích Phú	7.786.000.000	7.786.000.000
Công ty Cổ phần KCN Phong Phú	8.794.268.760	8.794.268.760
Thuế TNDN theo tiến độ thu tiền	8.842.475.777	8.823.804.698
Phải thu tạm ứng các công trình khác	456.396.077	456.396.077
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu		115.638.009
Cộng	29.727.954.119	29.824.921.049

11. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi

	Số cuối quý	Số đầu năm
Phòng tài chính Huyện Bình Chánh	(7.786.000.000)	(7.786.000.000)
Cộng	(7.786.000.000)	(7.786.000.000)

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

NHÓM TSCĐ	CỘNG MÁY MÓC THIẾT BỊ	CỘNG PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	CỘNG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ QUẢN LÝ	CỘNG NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	TỔNG CỘNG
					TÀI SẢN HỮU HÌNH
CHỈ TIÊU					
I. Nguyên giá TSCĐ					
1. Số dư đầu kỳ	37.959.086.674	11.467.019.178	2.223.983.659	24.429.322.239	76.079.411.750
2. Số tăng trong kỳ	0	0	0	0	0
<i>Trong đó: - Mua sắm mới</i>					<i>0</i>
<i>- Đầu tư XD CB hoàn thành</i>					<i>0</i>
3. Số giảm trong kỳ	0	0	0	0	0
<i>- Thanh lý, nhượng bán, khác</i>			<i>0</i>		<i>0</i>
4. Số cuối kỳ	37.959.086.674	11.467.019.178	2.223.983.659	24.429.322.239	76.079.411.750
II. Giá trị đã hao mòn					
1. Số dư đầu kỳ	28.277.772.617	9.639.834.115	2.223.983.659	8.613.088.266	48.754.678.657
2. Số tăng trong kỳ	495.730.173	257.757.717	0	245.278.610	998.766.500

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Số giảm trong kỳ	0	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán, khác	0		0	0	0
4. Số cuối kỳ	28.773.502.790	9.897.591.832	2.223.983.659	8.858.366.876	49.753.445.157
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu kỳ	9.681.314.057	1.827.185.063	0	15.816.233.973	27.324.733.093
2. Số cuối kỳ	9.185.583.884	1.569.427.346	0	15.570.955.363	26.325.966.593

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Nhóm TSCĐ	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu, hàng hóa	Bản quyền ISO	Phần mềm vi tính	Cộng tài sản vô hình
Chỉ tiêu						
I. Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ				331.744.151	1.314.004.630	1.645.748.781
Số tăng trong kỳ					0	0
Trong đó:- Mua sắm mới						0
- Đầu tư XD CB hoàn thành						
Số giảm trong kỳ						0
Trong đó:- Thanh lý, nhượng bán						0
Số cuối kỳ				331.744.151	1.314.004.630	1.645.748.781
II. Giá trị hao mòn						
Số dư đầu kỳ				331.744.151	1.233.477.497	1.565.221.648
Số tăng trong kỳ					7.112.082	7.112.082
Số giảm trong kỳ						0
Số cuối kỳ				331.744.151	1.240.589.579	1.572.333.730
III. Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ				0	80.527.133	80.527.133
Số cuối kỳ				0	73.415.051	73.415.051

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Lũy kế chi phí phát sinh trong kỳ	Lũy kế chi phí kết chuyển TSCĐ, giá vốn, duy tu, trả trước dài hạn	Số cuối quý
Mua sắm TSCĐ (1)	-			0
XDCB dở dang (2)	211.020.989.499	448.138.547	(448.138.547)	211.020.989.499
Trụ sở Công ty BCCI (15 tầng)	282.392.726			282.392.726
Xây dựng cơ bản dở dang KCN LMX mở rộng	209.367.725.658			209.367.725.658
Xây dựng cơ bản dở dang KCN LMX: giai đoạn 2	-	448.138.547	(448.138.547)	0
Xây dựng cơ bản dở dang KCN LMX: TTCN	-			0
Xây dựng cơ bản dở dang văn phòng KCN LMX	956.263.183			956.263.183
Xây dựng cơ bản dở dang khu dân cư Kênh B, khu TĐC, nhà ở CN	335.436.818			335.436.818
Chi phí xây dựng CBDD công trình nâng công suất trạm cấp nước	79.171.114			79.171.114
Chi phí XDCB (Công ty cổ phần BCI) (3)	228.547.875.081	1.059.126.919		229.607.002.000
Cộng (1+2+3)	439.568.864.580	1.507.265.466	(448.138.547)	440.627.991.499

15. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Nhóm BĐS	Nhà xưởng	Cơ sở hạ tầng	Tổng cộng
Chỉ tiêu			
I. Nguyên giá			
Số đầu năm	7.146.210.413	142.855.593.701	150.001.804.114
Số tăng trong kỳ (lũy kế)	0	0	0
Số giảm trong kỳ	0	0	0
Số cuối kỳ	7.146.210.413	142.855.593.701	150.001.804.114
II. Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	5.758.161.476	49.842.771.119	55.600.932.595
Số tăng trong kỳ (lũy kế)	31.546.567	722.108.344	753.654.911
Số giảm trong kỳ	0	0	0
Số cuối kỳ	5.789.708.043	50.564.879.463	56.354.587.506
III. Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.388.048.937	93.012.822.582	94.400.871.519

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số cuối kỳ	1.356.502.370	92.290.714.238	93.647.216.608
------------	---------------	----------------	----------------

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu	Vốn đầu tư (VND)
Công ty cổ phần Đầu tư và bất động sản Sài Gòn Châu Á	50%	4.000.000.000
Công ty TNHH TM và DV Siêu thị Big C An Lạc	20%	45.057.695.688
Công ty TNHH Cao Ốc Xanh	20%	20.060.312.372

Giá trị hợp nhất của khoản đầu tư theo ghi nhận phương pháp vốn chủ sở hữu:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Big C	166.514.412.841	180.217.290.591
Công ty TNHH Cao Ốc Xanh	20.068.303.147	20.059.598.557
Công ty CP Đầu tư BĐS Sài Gòn Châu Á	4.862.761.312	4.862.761.312
TỔNG CỘNG (1+2+3)	191.445.477.300	205.139.650.460

17. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Đầu tư chứng khoán dài hạn	1.435.455.455	1.435.455.455
- Cổ phiếu NHTM CP TP. HCM - HDB	123.310.000	123.310.000
- Cổ phiếu TDH	1.312.145.455	1.312.145.455
Đầu tư dài hạn khác		
Công ty Cấp nước Dầu Tiếng	1.700.000.000	1.700.000.000
Cộng	3.135.455.455	3.135.455.455

18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Dự phòng đầu tư CK niêm yết	(1.035.215.455)	(1.015.325.455)
Cộng	(1.035.215.455)	(1.015.325.455)

19. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	881.648.802	616.712.251
Chi phí trả trước dài hạn - Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI	491.384	11.517.218
Thuế thu nhập hoãn lại	223.137.362	364.469.667

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản khác (thuê máy photo)	32.925.762	32.925.762
Lợi thế thương mại	3.806.333.954	3.806.333.954
Cộng	4.944.537.264	4.831.958.852

20. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán tại KCN Lê Minh Xuân	2.258.504.742	1.958.659.242
Phải trả người bán tại Công ty BCCI	14.630.314.921	15.198.429.050
Phải trả người bán tại Công ty DVI	569.950.291	436.820.305
Phải trả người bán tại Công ty Cổ phần BCI		1.938.090.000
Cộng	15.200.265.212	17.573.339.355

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

CHỈ TIÊU	Số còn phải nộp đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Đã nộp	Số còn phải nộp cuối kỳ
		Phải nộp		
Thuế	(42.245.385)	2.516.663.757	6.637.465.504	(4.163.047.132)
Thuế GTGT	1.537.517.615	314.203.186	2.068.372.555	(216.651.754)
+ Công ty	1.097.588.996	(273.652.929)	1.172.199.872	(348.263.805)
+ Khu công nghiệp LMX	221.047.481	557.633.639	677.291.545	101.389.575
+ Công ty BCCI, DVI	218.881.138	30.222.476	218.881.138	30.222.476
Thuế GTGT nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.242.518.682)	18.671.079	1.911.615.286	(4.135.462.889)
Bất động sản (25%)+ HĐ khác	(1.247.956)	-	1.780.001.698	(1.781.249.654)
Tiền độ 1%	(2.241.270.726)	18.671.079	131.613.588	(2.354.213.235)
-Thuế thu nhập cá nhân	596.818.876	2.000.450.882	2.471.074.065	126.195.693
Tiền thuế nhà đất	-	-	-	-
Tiền sử dụng đất	-	-	-	-
Thuế tài nguyên (Công ty)	35.533.006	100.172.930	103.193.188	32.512.748
Thuế tài nguyên (LMX)	30.403.800	73.165.680	73.210.410	30.359.070
-Thuế môn bài, thuế khác	-	10.000.000	10.000.000	-
Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	(42.245.385)	2.516.663.757	6.637.465.504	(4.163.047.132)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNHĐịa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**22. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Trích chi phí lãi vay	3.857.846.288	2.728.423.359
Chi phí phải trả khác	108.181.818	108.181.818
Trích trước chi phí thuê đất Trụ sở BCCI	278.835.774	
Trích trước chi phí tiền nước kỳ 37 + 38	138.055.500	
Trích chi phí hóa chất	5.200.000	
Chi phí phải trả tại LMX	2.671.851.931	2.671.851.931
Tại Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI	-	11.961.034
Tại Công ty Cổ phần BCI	9.090.909	9.090.909
Cộng	7.069.062.220	5.529.509.051

23. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tại công ty BCCI	193.096.075.855	191.283.500.967
Tại Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI	17.643.924	
Cộng	193.113.719.779	191.283.500.967

24. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Cổ tức phải trả cho các Cổ đông	73.525.644.600	73.525.644.600
Phải trả Công ty cổ phần Bách hóa Miền Nam	-	20.800.000.000
Phải trả khác - KCN Lê Minh Xuân	15.889.671.145	15.106.080.441
Tại Công ty TNHH Đầu tư phát triển BCCI	179.655.535	245.655.535
Tại Công ty Cổ phần BCI	184.846.668	125.372.668
Cộng	89.779.817.948	109.802.753.244

25. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

		Số đầu năm
VPBank- CN TPHCM - HĐ 14, 17/1/14	22.721.934.042	17.765.312.858
Vay dài hạn đến hạn trả HĐ 6063, 30/10/98		87.523.800.000
Công ty ĐTTTC Nhà nước TP. Hồ Chí Minh HĐ17-27/5/2010	1.720.000.000	1.720.000.000
Cộng	24.441.934.042	107.009.112.858

- Khoản vay ngắn hạn tại VPBank- CN TPHCM, hợp đồng số HĐ 14 ngày 17/1/14. Đây là khoản vay tín chấp để bổ sung vốn lưu động, có hạn mức là 50 tỷ đồng và lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn theo quy định của VPBank + biên độ 2%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Các khoản vay dài hạn đến hạn trả.

26. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán dài hạn tại Công ty	51.977.755.999	52.751.981.432
Cộng	51.977.755.999	52.751.981.432

27. Chi phí phải trả dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khu dân cư Hương Lộ 5 Mở rộng	1.725.764.369	1.570.571.642
Khu dân cư Cầu Xáng	2.024.194.562	2.024.194.562
Khu ấp 1 Tân Tạo	19.349.181.598	19.352.817.962
Khu dân cư An Lạc Bình Trị Đông (Khu 100ha)	41.783.087.358	43.742.723.722
Khu F Tân Tạo Bình Trị Đông	235.070.784	235.070.784
Chung cư Nhất Lan 5 tầng	314.200.080	314.200.080
Chung cư Đa Sà	7.103.773.966	7.125.906.510
Chi phí bảo hành khu nhà ở Bình Hưng	202.479.879	202.479.879
Tòa nhà VP BCCI	177.708.170	177.708.170
Khu ấp 5 Phong Phú	19.507.980.104	19.851.633.363
Khu sau Nhất Lan	7.342.512.866	7.348.512.866
Khu Lý Chiêu Hoàng	1.250.138.786	1.250.138.786
Khu Huyện Ủy	1.465.726.405	1.471.999.860
Khu Dân cư 11A	282.759.091	282.759.091
Khu Nhà Đa Sà	31.052.727	31.148.182
Chi phí phải trả các dự án đầu tư	-	-
Cộng	102.795.630.745	104.981.865.459

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

28. Chi phí phải trả dài hạn

Chi phí phải trả dài hạn	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phải trả các dự án đầu tư	102.795.630.745	104.981.865.459
Cộng	102.795.630.745	104.981.865.459

29. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>QUÝ 1/15.HN</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu chưa thực hiện các dự án tại Công ty	192.155.944.111	191.785.5234.915
KCN LMX: Giai đoạn 2 và khu TTCN	210.032.451.433	212.197.345.295
Doanh thu chưa thực hiện tại DVI		125.751.143
Cộng	402.188.395.544	404.108.331.353

30. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế trích trước TNCN 2%/DT	656.508.620	656.508.620
Tiền vay Phòng tài chính huyện Bình Chánh	300.000.000	300.000.000
Phải trả tiền bảo quản hạ tầng kỹ thuật	5.541.000.000	5.496.000.000
Nhận ký quỹ dự thầu thi công các công trình, môi giới	235.000.000	235.000.000
Thuế trước bạ Quyền sử dụng đất tạm thu trước	41.965.203	41.965.203
Công ty cổ phần 3D	39.636.648	39.636.648
Hợp tác đầu tư (Mỹ Anh)	105.200.000	105.200.000
Phải trả thuế TNCN môi giới, vãng lai được giảm 2009	97.908.159	97.908.159
Phải trả thuế TNCN đã trích thừa của CBNV	55.343.666	241.148.982
Hợp tác đầu tư Công ty CP Vĩnh Tường	846.148.522	846.148.522
Nhận ký quỹ xây dựng nhà BLB	1.888.110.200	1.778.822.200
Phải trả dự án Ấp 2 Tân Tạo	84.569.677.499	84.569.677.499
Phải trả Cty CP KCN Phong Phú (tiền thừa do chuyển lãi)	53.948.000	53.948.000
Phải trả khác(33882.2DGHL8)	6.695.994.888	6.666.952.188
Phải trả khác (vay BQLDA-P.TC H.BC xây chợ CX)	1.350.000.000	1.350.000.000
Phải trả phí bảo trì chung cư Nhất Lan 5 tầng (NL1)	187.534.113	187.534.113
Phải trả phí bảo trì chung cư Nhất Lan 12 tầng (NL2)	608.351.186	680.637.068
Phải trả phí bảo trì chung cư Tân Tạo 1 (NL3)	4.126.688.421	4.066.296.802
Phải trả tiền nền TĐC KCN Phong Phú	1.835.225.000	1.835.225.000
Phải trả khác (33882.3KHAC)	51.880.000	400.000
Phải trả khác (lắp đặt PCCC - BC1258, 30/10/13)	10.000.000	10.000.000
Phải trả khác (Hợp đồng HTĐT xây trường mẫu giáo)	290.164.000	290.164.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ký quỹ, ký cược dài hạn Công ty	1.370.541.000	1.354.800.000
Phải trả trợ cấp mất việc	1.182.585.854	1.199.728.250
Ký quỹ, ký cược dài hạn (thuê đất, xưởng KCN LMX)	7.658.020.743	7.243.893.543
Cộng	119.797.431.722	119.347.594.797

31. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

		Số đầu năm
Công ty ĐTTC Nhà nước TP. Hồ Chí Minh HĐ17-27/5/2010	2.181.915.000	2.611.915.000
Vay NH Quân Đội HĐ89 - 26/06/14 An Lạc Plaza	131.932.448.535	131.932.448.535
Vay NH Quân Đội HĐ90 - 26/06/14 11A + KDC Tân Tạo	150.000.000.000	150.000.000.000
Vay Sacombank - PGD Bình Tân	73.727.476.007	51.967.270.515
Sacombank - PGD Bình Tân (LD1502100187 - 21/01/2015)	40.000.000.000	
Sacombank - PGD Bình Tân (LD1502100188 - 21/01/2015)	46.000.000.000	
Cộng	443.841.839.542	336.511.634.050

- Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân Đội với hạn mức 175 tỷ đồng theo HĐ 331.09.701.479633 ngày 21/12/2009 được sử dụng để thực hiện đầu tư dự án “Xây dựng chung cư Tân Tạo 1”. Lãi suất đang áp dụng là lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + biên độ 3,5%/ năm. Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất tại phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Tp. HCM để đảm bảo cho khoản vay này.
- Khoản vay Công ty Đầu Tư Tài Chính Nhà Nước TPHCM với hạn mức là 10.351.915.000 đồng, theo HĐ 17 ngày 27/5/2010 được sử dụng để thực hiện đầu tư dự án “Xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Lê Minh Xuân (giai đoạn 3)”. Lãi suất đang áp dụng 10,8% năm. Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất tại phường An Lạc, quận Bình Tân, TP.HCM.
- Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân Đội, Hợp đồng số 89 ngày 26/06/2014, với hạn mức là 200 tỷ đồng. Khoản vay này được dùng để đầu tư dự án Cao ốc An Lạc Plaza. Thời hạn vay là 4 năm, lãi suất áp dụng là lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng + biên độ 3,5%/năm.
- Khoản vay 150 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP Quân đội, Hợp đồng số 90 ngày 26/06/2014, dùng để tài trợ cho Khu dân cư 11A và Khu Trung tâm Dân cư Tân Tạo. Thời hạn vay là 5 năm, lãi suất áp dụng là lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng + biên độ 3,5%/năm.
 - ✓ Công ty sử dụng quyền sử dụng đất tại số 158 đường An Dương Vương, P. An Lạc, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh, quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất của dự án Cao ốc An Lạc Plaza làm tài sản đảm bảo cho 02 Hợp đồng vay (số HĐ89 và HĐ90) tại Ngân hàng TMCP Quân Đội.
- Khoản vay tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín với hạn mức 200 tỷ đồng, thời hạn vay 5 năm, theo HĐ số LD1424800048 ngày 05/09/2014 được sử dụng để thực hiện đầu tư dự án “Khu định cư Phong Phú”. Lãi suất đang áp dụng là lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng + biên độ 3,2%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty đã thế chấp một phần diện tích đất của dự án khu định cư Phong Phú để đảm bảo khoản vay.

- Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Chợ Lớn – PGD Bình Tân với hạn mức 40 tỷ đồng theo hợp đồng số LD1502100187 ngày 21/01/2015 được sử dụng trả tiền thuê đất dùng góp vốn vào Công ty TNHH TM và DV Siêu Thị An Lạc. Lãi suất đang áp dụng 6%/năm trên dư nợ ban đầu. Công ty thế chấp quyền tài sản phát sinh từ toàn bộ vốn góp của BCCI tại Công ty TNHH TM và DV Siêu Thị Big C An Lạc và quyền tài sản phát sinh từ 172.031,8m2 đất tại khu dân cư 1 –Khu 11A .
- Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Chợ Lớn – PGD Bình Tân với hạn mức 46 tỷ đồng theo hợp đồng số LD1502100188 ngày 21/01/2015 được sử dụng trả tiền thuê đất dùng góp vốn vào Công ty TNHH TM và DV Siêu Thị An Lạc. Lãi suất đang áp dụng 6%/năm trên dư nợ ban đầu. Công ty thế chấp quyền tài sản phát sinh từ toàn bộ vốn góp của BCCI tại Công ty TNHH TM và DV Siêu Thị Big C An Lạc và quyền tài sản phát sinh từ 172.031,8m2 đất tại khu dân cư 1 –Khu 11A .

32. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong năm	Điều chỉnh	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	13.751	(180.000.000)	180.000.000	13.751
Quỹ khen thưởng ban điều hành	2.072.770.505	(2.265.000.000)	193.000.000	770.505
Quỹ phúc lợi	1.773.779.704	(66.179.091)	(373.000.000)	1.334.600.613
Quỹ phúc lợi (DVI)	44.669.900			44.669.900
Cộng	3.891.233.860	(2.511.179.091)	-	1.380.054.769

33. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối quý	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	201.600.000.000	201.600.000.000
Vốn góp của các cổ đông	521.070.000.000	521.070.000.000
Cộng	722.670.000.000	722.670.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối quý	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	72.267.000	72.267.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	72.267.000	72.267.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối quý	Số đầu năm
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	72.267.000	72.267.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn kinh doanh của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	QUÝ 1/15.HN	QUÝ 1/14.HN	LK đến Q1/15	LK đến Q1/14
Bán nền các khu dân cư, căn hộ chung cư	4.000.303.925	56.785.089.039	4.000.303.925	56.785.089.039
Hoạt động môi giới bất động sản	-	18.181.818	-	18.181.818
Hoạt động dịch vụ sàn giao dịch	439.501	-	439.501	-
Cho thuê mặt bằng	860.288.930	640.418.036	860.288.930	640.418.036
Cung cấp dịch vụ điện, nước...cho dự án	4.076.512.266	3.324.143.616	4.076.512.266	3.324.143.616
Hoạt động CQSDĐ tại KCN Lê Minh Xuân	2.781.461.872	3.000.052.196	2.781.461.872	3.000.052.196
Hoạt động khác và cung cấp dịch vụ tại KCN LMX	10.379.931.594	9.855.512.139	10.379.931.594	9.855.512.139
Tại Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI	395.023.438	338.999.794	395.023.438	
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Cộng	22.493.961.526	73.962.396.638	22.493.961.526	73.623.396.844

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>QUÝ 1/15.HN</u>	<u>QUÝ 1/14.HN</u>	<u>LK đến Q1/15</u>	<u>LK đến Q1/14</u>
Bán nền các khu dân cư, căn hộ chung cư	1.385.626.073	45.486.612.100	1.385.626.073	45.486.612.100
Môi giới bất động sản, khác	-	-	-	-
Cung cấp dịch vụ điện, nước...cho dự án	1.661.159.916	908.245.291	1.661.159.916	908.245.291
Hoạt động CQSDĐ tại KCN Lê Minh Xuân	680.088.127	679.319.636	680.088.127	679.319.636
Hoạt động khác và cung cấp dịch vụ tại KCN LMX	5.366.839.950	5.336.051.374	5.366.839.950	5.336.051.374
Tại Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI	613.083.784	63.213.476	63.231.476	63.213.476
Cộng	9.706.797.850	52.473.441.877	9.156.945.542	52.473.441.877

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>QUÝ 1/15.HN</u>	<u>QUÝ 1/14.HN</u>	<u>LK đến Q1/15</u>	<u>LK đến Q1/14</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi trái phiếu	995.595.750	2.918.424.309	995.595.750	2.918.424.309
Doanh thu hoạt động tài chính - KCN LMX	-	29.555	-	29.555
Tại Công ty Cổ phần BCI	36.558.493	318.669	36.558.493	318.669
Tại Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI	383.156	27.769.092	383.156	27.769.092
Cộng	1.032.537.399	2.946.541.625	1.032.537.399	2.946.541.625

4. Chi phí tài chính

	<u>QUÝ 1/15.HN</u>	<u>QUÝ 1/14.HN</u>	<u>LK đến Q1/15</u>	<u>LK đến Q1/14</u>
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	3.084.590.329	2.391.561.783	3.084.590.329	2.391.561.783
Hoàn nhập/ dự phòng đầu tư chứng khoán	19.890.000	(79.560.000)	19.890.000	(79.560.000)
Chi phí tài chính khác	16.712.881	-	16.712.881	-
Chênh lệch tỷ giá	-	(13.636.350)	-	(13.636.350)
Cộng	3.121.193.210	2.298.365.433	3.121.193.210	2.298.365.433

5. Chi phí bán hàng

	<u>QUÝ 1/15.HN</u>	<u>QUÝ 1/14.HN</u>	<u>LK đến Q1/15</u>	<u>LK đến Q1/14</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	343.248.516	757.644.199	343.248.516	757.644.199

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cộng	343.248.516	757.644.199	343.248.516	757.644.199
-------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	QUÝ 1/15.HN	QUÝ 1/14.HN	LK đến Q1/15	LK đến Q1/14
Chi phí lương nhân viên quản lý	7.049.855.579	6.492.411.032	7.049.855.579	6.492.411.032
Chi phí vật dụng văn phòng	9.135.707	68.241.269	9.135.707	68.241.269
Khấu hao tài sản cố định	377.185.433	550.588.590	377.185.433	550.588.590
Thuế, phí và lệ phí	417.899.325	1.139.988.574	417.899.325	1.139.988.574
Chi phí dịch vụ mua ngoài	322.798.881	346.844.358	322.798.881	346.844.358
Chi phí bằng tiền khác	1.042.161.904	947.166.154	1.042.161.904	947.166.154
Chi phí QLDN KCN LMX	381.270.225	584.635.567	381.270.225	584.635.567
Tại Công ty Cổ phần BCI	7.910.000	790.413.840	7.910.000	790.413.840
Tại Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI	261.349.417	431.627.469	261.349.417	431.627.469
Cộng	9.869.566.471	11.351.916.853	9.869.566.471	11.351.916.853

7. Thu nhập khác

	QUÝ 1/15.HN	QUÝ 1/14.HN	LK đến Q1/15	LK đến Q1/14
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	127.365.709	103.206.788	127.365.709	103.206.788
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	-	-	-
Thu khác + KCN LMX	17.368.530	144.242.229	17.368.530	144.242.229
Tại Công ty Cổ phần BCI	31.818.185	246.625.834	31.818.185	246.625.834
Tại Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI	7.470.090	14.495.891	7.470.090	14.495.891
Cộng	184.022.514	508.570.742	184.022.514	508.570.742

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế quý 1/15	Lũy kế quý 1/14
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.760.179.741	21.223.141.823
Trừ:		
-Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại		
- Lợi nhuận phải trả cho các hoạt động hoạt động		
- Các khoản chi khác		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.760.179.741	21.223.141.823
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	72.267.000	72.267.000
Lãi trên cổ phiếu	135	294

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	72.267.000	72.267.000
Ảnh hưởng lưu hành cổ phiếu		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	72.267.000	72.267.000

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Giao dịch với các bên liên quan

Nghiệp vụ giữa Công ty với các công ty con được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Nghiệp vụ giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết được công bố trong báo cáo tài chính riêng của từng công ty.

Người lập

Nguyễn Kim Phụng

Kế toán trưởng

Nguyễn Dương An

TP. HCM, ngày 15 tháng 5 năm 2015



ĐỒNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thụy Nhân

Số : 227/CV.BCCI.KT
V/v: Giải trình kết quả hoạt động
kinh doanh quý I/2015 (hợp nhất)

TP.Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2015

Kính gửi : - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước ;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM

- Căn cứ luật chứng khoán số 70/2006/QH11 của Quốc hội khóa XI thông qua ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thực hiện về việc công bố thông tin định kỳ của tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Chánh (mã chứng khoán: BCI) giải trình chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế của Công ty trong quý I/2015 theo báo cáo tài chính Công ty hợp nhất giám so với quý I/2014 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Quý I/2015 (đồng)	Quý I/2014 (đồng)	Tỷ lệ thay đổi
A	B	(1)	(2)	(3)={(1)-(2)}/(2)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.493.961.526	73.962.396.638	-70%
2	Lợi nhuận gộp	12.787.163.676	21.488.954.761	-40%
3	Thu nhập tài chính	-2.088.655.811	648.176.192	-422%
4	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.760.179.741	21.057.872.798	-54%

Lợi nhuận sau thuế của quý I/2015 giảm 54% (11 tỷ đồng) so với quý I/2014 chủ yếu do quý I/2014 Công ty đã bàn giao lượng lớn căn hộ Nhất Lan 3 cho khách hàng, trong khi quý I/2015 số lượng căn hộ bàn giao đã giảm nên lợi nhuận gộp giảm 8,7 tỷ đồng. Ngoài ra, trong quý I/2015 thu nhập hoạt động tài chính giảm 2,7 tỷ đồng cũng góp phần làm giảm lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong quý I/2015.

Trân trọng.

T. T. TỔNG GIÁM ĐỐC



Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu (VT, TCKT)

PHO TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Kim Hoa